

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Mạnh Cường,

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ba và bà Trần Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Đình T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 01 năm 2021, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị và anh Lê Đình T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh T tại Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn thường xuyên cãi vã với nhau và vợ chồng đã sống ly thân hơn 1 năm. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Kiều M, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Nguyễn Kiều L, sinh ngày 31/5/2019, các con đang sống với Chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Chị cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22 tháng 02 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đình T trình bày: Anh nhất trí về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh ở thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Anh chị sống hạnh phúc từ đó đến nay, tháng 4/2020 vợ chồng sống ly thân nhưng tình cảm giữa anh và vợ anh vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, chị L xin ly hôn anh không nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Kiều M, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Nguyễn Kiều L, sinh ngày 31/5/2019, các con đang sống với chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Anh cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Nguyễn Kiều M, giao con Lê Nguyễn Kiều L cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao 02 con chung tên là Lê Nguyễn Kiều M, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Nguyễn Kiều L, sinh ngày 31/5/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn Hữu Tân, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, căn cứ vào quy

định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Đình T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân gần 1 năm. Lời trình bày của chị L đúng với lời trình bày của anh T tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2021, Chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và được trực tiếp nuôi con. Tòa án cũng tiến hành triệu tập anh T nhiều lần đến để tổ chức phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, chứng tỏ anh T không có thiện chí để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Xét mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không cải thiện được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Đình T thống nhất có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Kiều M, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Nguyễn Kiều L, sinh ngày 31/5/2019, các con đang sống với chị L. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, các cháu Kiều M, Kiều L đang còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L giao hai cháu Lê Nguyễn Kiều M, Lê Nguyễn Kiều L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm thời không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị L.

[4] Về chia tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử lý hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Đình T.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử lý giao 02 cháu Lê Nguyễn Kiều M, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Nguyễn Kiều L, sinh ngày 31/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu L trưởng thành (trên 18 tuổi). Tạm thời không buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007151, ngày 20 tháng 01 năm 2021. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim và anh Lê Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**( Đã ký)**

**Châu Mạnh Cường**